

SỔ XÂY DỰNG SỐ: 05/12/2025/TB – TNS

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 12 năm 2025

ĐẾN Số:.....
Ngày: 10/12/25
Chuyên:.....
Số và ký hiệu HS:.....

THÔNG BÁO MỞ BÁN

Vv: Thông báo mở bán Nhà ở xã hội đối với dự án ĐTXD Khu nhà ở xã hội
Thống Nhất Smart City, tại xã Yên Trung và xã Tam Đa, tỉnh Bắc Ninh.

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh;

A. CĂN CỨ:

- Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023;
- Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 về Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở; số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 về Quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản; số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; số 94/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản;
- Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số Điều Luật Nhà ở;
- Căn cứ văn bản số 2848/SXD-QLN ngày 15/11/2024 của Sở xây dựng tỉnh Bắc Ninh về việc Kinh doanh bất động sản hình thành trong tương lai đối với 07 nhà A, B, C, D, E, F, G thuộc dự án Khu nhà ở xã hội (Khu nhà ở xã hội Thống Nhất Smart City);
- Căn cứ văn bản số 242/SXD-QLN ngày 21/01/2025 của Sở xây dựng tỉnh Bắc Ninh về việc Kinh doanh bất động sản hình thành trong tương lai đối với 03 khối nhà H, I, J thuộc dự án ĐTXD Khu nhà ở xã hội Thống Nhất Smart City;
- Căn cứ văn bản số 17/TB-SXD ngày 28/3/2025 của Sở xây dựng tỉnh Bắc Ninh về việc thông báo kết quả thẩm định giá bán, giá cho thuê nhà ở xã hội tại dự án ĐTXD Khu nhà ở xã hội Thống Nhất Smart City;



Công ty Cổ phần Thương mại và ĐTPT Thống Nhất báo cáo Sở Xây dựng Bắc Ninh một số thông tin về Nhà ở xã hội tại dự án, theo các nội dung sau:

1. Tên dự án: ĐTXD Khu nhà ở xã hội Thống Nhất Smart City;
2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thương mại và ĐTPT Thống Nhất;
3. Địa điểm xây dựng: xã Yên Trung và xã Tam Đa, tỉnh Bắc Ninh;
4. Địa chỉ liên lạc, địa chỉ nộp đơn đăng ký:

Tại: Văn phòng Công ty Cổ phần Thương mại và ĐTPT Thống Nhất, tầng 3, chung cư Cát Tường New, đường Lý Thái Tổ, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh;
Hoặc tại: Văn phòng chủ đầu tư tại dự án Khu nhà ở xã hội Thống Nhất Smart City, xã Yên Trung và xã Tam Đa, tỉnh Bắc Ninh

5. Diện tích khu đất thực hiện dự án: 85.767,2 m².

6. Quy mô đầu tư dự án:

Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội, nhà ở liền kề, công trình thương mại, các công trình công cộng (nhà văn hóa, trạm y tế, trường học), các hạng mục phụ trợ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà trên khu đất có diện tích khoảng 85.767,2 m² (theo quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 22/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh), tại xã Yên Trung và xã Tam Đa, tỉnh Bắc Ninh.

- **Các khu nhà ở xã hội:** Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội gồm 10 khối nhà ký hiệu là nhà A, nhà B, nhà C, nhà D, nhà E, nhà F, nhà G, nhà H, nhà I, nhà J với tổng số khoảng 1.048 căn hộ; khu nhà ở liền kề với tổng số khoảng 107 căn hộ; Khu Thương mại dịch vụ; Khu công trình công cộng (trường liên cấp, nhà văn hóa, trạm y tế) và hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục phụ trợ:

* Nhà A: Công trình hình chữ nhật gồm 01 tầng hầm, 09 tầng nhà và 01 tầng tum, chiều cao từ mặt sân hoàn thiện đến đỉnh mái +37,05m (trong đó tầng hầm sâu 3,5m; nền nhà cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,75m; tầng 1 cao 5,8m; tầng 2 đến tầng 9 mỗi tầng cao 3,3m; tầng tum kết hợp mái cao 4,1m); diện tích xây dựng tầng hầm khoảng 1.098,7m²; diện tích xây dựng khoảng 1.154,5m²; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 10.199,3m² (trong đó tổng diện tích sàn phần nổi khoảng 9.100,6m²; tổng diện tích sàn căn hộ để ở khoảng 6.258,6m²; diện tích để xe khoảng 930,8m²; diện tích sinh hoạt cộng đồng khoảng 113m²); tổng số căn hộ là 94 căn.

* Nhà B, nhà C, nhà D, nhà E, nhà F, nhà G: Gồm 06 công trình có bố cục hình chữ nhật có thiết kế tương tự nhau, giải pháp thiết kế cụ thể của mỗi công trình như sau: Công trình gồm 01 tầng hầm, 09 tầng nhà và 01 tầng tum, chiều cao từ mặt sân hoàn thiện đến đỉnh mái +37,05m (trong đó tầng hầm sâu 3,5m; nền nhà cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,75m; tầng 1 cao 5,8m; tầng 2 đến tầng 9 mỗi tầng cao 3,3m; tầng tum kết hợp mái cao 4,1m); diện tích xây dựng khoảng 1.178m²; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 10.544m² (trong đó diện tích sàn tầng hầm khoảng 1.137,4m²; tổng diện tích sàn các tầng nổi khoảng 9.406,6m²; tổng diện tích sàn căn hộ để ở khoảng 6.320,3m²; diện tích để xe khoảng 965m²; diện tích phòng sinh hoạt cộng đồng khoảng 117,5m²); tổng số căn hộ mỗi tòa là 94 căn.

* Nhà H, nhà I, nhà J: Gồm 03 công trình bố cục hình chữ nhật có thiết kế tương tự nhau, giải pháp thiết kế cụ thể của mỗi công trình như sau: Công trình gồm 01 tầng hầm, 09 tầng nhà và 01 tầng tum, chiều cao từ mặt sân hoàn thiện đến đỉnh mái là +37,05m (trong đó tầng hầm sâu 3,5m; nền nhà cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,75m; tầng 1 cao 5,8m; tầng 2 đến tầng 9 mỗi tầng cao 3,3m; tầng tum kết hợp mái cao 4,1m); diện tích xây dựng khoảng 1.529,9m²; tổng diện tích xây dựng khoảng 13.851,7m² (trong đó diện tích sàn tầng hầm khoảng 1.476,8m²; tổng diện tích sàn các tầng nổi khoảng 12.374,9m²; tổng diện tích sàn căn hộ để ở khoảng 8661,1m²; diện tích để xe khoảng 1.261m²; diện tích sinh hoạt cộng đồng khoảng 111m²), tổng số căn hộ mỗi tòa là 130 căn.

7. Tiến độ thực hiện dự án (theo tiến độ được phê duyệt tại quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 12/09/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh):

+ Thực hiện chuẩn bị thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng, thủ tục đất đai, thẩm định thiết kế cơ sở, cấp phép xây dựng : Từ tháng 8/2017 đến tháng 12/2021 ;

+ Triển khai xây dựng các hạng mục công trình, mua sắm lắp đặt máy móc thiết bị : Từ tháng 01/2022 đến tháng 6/2026 ;

+ Thực hiện các thủ tục nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình theo quy định của pháp luật : Từ tháng 6/2026- tháng 11/2026 ;

+ Dự án hoàn thành và đi vào hoạt động tổng thể vào tháng 12/2026.

8. Số lượng căn hộ và diện tích căn hộ còn lại chưa đăng ký: 920 Căn hộ (Kèm

theo Phụ lục 01)

9. Giá bán, giá cho thuê, giá thuê mua (theo văn bản số 17/TB-SXD ngày 28/03/2025 của Sở xây dựng tỉnh Bắc Ninh về việc thông báo kết quả thẩm định giá bán, giá cho thuê nhà ở xã hội tại dự án ĐTXD Khu nhà ở xã hội Thống Nhất Smart City) ;

Giá bán (đã bao gồm thuế VAT 5% và chi phí bảo trì 2%)

Căn thường : 16.442.701 đồng/m²

Căn góc : 16.771.555 đồng/m²

Căn cạnh cầu thang : 16.113.847 đồng/m²

10. Số lượng hồ sơ đã nhận trong các lần mở bán đến hết ngày 27/11/2025: 128 Hồ sơ

11. Thời gian bắt đầu nhận hồ sơ đăng ký đợt tiếp theo: từ ngày 22/12/2025

12. Thời gian kết thúc nhận hồ sơ đăng ký đợt tiếp theo: 22/01/2026

13. Địa chỉ liên lạc, địa chỉ nộp đơn đăng ký, địa chỉ phản ánh kiến nghị (nếu có): Văn phòng Công ty Cổ phần Thương mại và ĐTPPT Thống Nhất. Địa chỉ: tầng 3, chung cư Cát Tường New, đường Lý Thái Tổ, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh.
Điện thoại: 0829376666

Trên đây là một số thông tin về nhà ở xã hội, Công ty cổ phần Thương mại và ĐTPPT Thống Nhất báo cáo Sở xây dựng tỉnh Bắc Ninh nắm bắt để kiểm tra thông tin theo quy định./

Nơi nhận :

- Như trên ;
- Lưu : Cty

CÔNG TY CP TM&ĐTPPT THỐNG NHẤT



Phó Tổng giám đốc

TRỊNH THỊ THANH THỦY

PHỤ LỤC 01. DANH SÁCH CĂN HỘ
DỰ ÁN: ĐTXD KHU NHÀ Ở XÃ HỘI THỐNG NHẤT SMART CITY
TÒA A

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
1	TNS-A-0101	Căn hộ A-0101	65,30	59,80
2	TNS-A-0102	Căn hộ A-0102	65,20	59,70
3	TNS-A-0103	Căn hộ A-0103	65,30	59,80
4	TNS-A-0104	Căn hộ A-0104	65,30	60,40
5	TNS-A-0105	Căn hộ A-0105	65,30	60,40
6	TNS-A-0106	Căn hộ A-0106	65,30	60,40
7	TNS-A-0201	Căn hộ A-0201	74,70	68,30
8	TNS-A-0202	Căn hộ A-0202	71,90	67,00
9	TNS-A-0203	Căn hộ A-0203	53,30	49,20
10	TNS-A-0204	Căn hộ A-0204	71,90	67,00
11	TNS-A-0205	Căn hộ A-0205	74,70	68,30
12	TNS-A-0206	Căn hộ A-0206	74,70	68,80
13	TNS-A-0207	Căn hộ A-0207	71,90	67,50
14	TNS-A-0208	Căn hộ A-0208	71,90	67,50
15	TNS-A-0209	Căn hộ A-0209	71,90	67,50
16	TNS-A-0210	Căn hộ A-0210	71,90	67,50
17	TNS-A-0211	Căn hộ A-0211	74,70	68,80
18	TNS-A-0301	Căn hộ A-0301	74,70	68,30
19	TNS-A-0302	Căn hộ A-0302	71,90	67,00
20	TNS-A-0303	Căn hộ A-0303	53,30	49,20
21	TNS-A-0304	Căn hộ A-0304	71,90	67,00
22	TNS-A-0305	Căn hộ A-0305	74,70	68,30
23	TNS-A-0306	Căn hộ A-0306	74,70	68,80
24	TNS-A-0307	Căn hộ A-0307	71,90	67,50
25	TNS-A-0308	Căn hộ A-0308	71,90	67,50
26	TNS-A-0309	Căn hộ A-0309	71,90	67,50
27	TNS-A-0310	Căn hộ A-0310	71,90	67,50
28	TNS-A-0311	Căn hộ A-0311	74,70	68,80
29	TNS-A-0401	Căn hộ A-0401	74,70	68,30
30	TNS-A-0402	Căn hộ A-0402	71,90	67,00
31	TNS-A-0403	Căn hộ A-0403	53,30	49,20
32	TNS-A-0404	Căn hộ A-0404	71,90	67,00
33	TNS-A-0405	Căn hộ A-0405	74,70	68,30
34	TNS-A-0406	Căn hộ A-0406	74,70	68,80
35	TNS-A-0407	Căn hộ A-0407	71,90	67,50

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
36	TNS-A-0408	Căn hộ A-0408	71,90	67,50
37	TNS-A-0409	Căn hộ A-0409	71,90	67,50
38	TNS-A-0410	Căn hộ A-0410	71,90	67,50
39	TNS-A-0411	Căn hộ A-0411	74,70	68,80
40	TNS-A-0501	Căn hộ A-0501	74,70	68,30
41	TNS-A-0502	Căn hộ A-0502	71,90	67,00
42	TNS-A-0503	Căn hộ A-0503	53,30	49,20
43	TNS-A-0504	Căn hộ A-0504	71,90	67,00
44	TNS-A-0505	Căn hộ A-0505	74,70	68,30
45	TNS-A-0506	Căn hộ A-0506	74,70	68,80
46	TNS-A-0507	Căn hộ A-0507	71,90	67,50
47	TNS-A-0508	Căn hộ A-0508	71,90	67,50
48	TNS-A-0509	Căn hộ A-0509	71,90	67,50
49	TNS-A-0510	Căn hộ A-0510	71,90	67,50
50	TNS-A-0511	Căn hộ A-0511	74,70	68,80
51	TNS-A-0601	Căn hộ A-0601	74,70	68,30
52	TNS-A-0602	Căn hộ A-0602	71,90	67,00
53	TNS-A-0603	Căn hộ A-0603	53,30	49,20
54	TNS-A-0604	Căn hộ A-0604	71,90	67,00
55	TNS-A-0605	Căn hộ A-0605	74,70	68,30
56	TNS-A-0606	Căn hộ A-0606	74,70	68,80
57	TNS-A-0607	Căn hộ A-0607	71,90	67,50
58	TNS-A-0608	Căn hộ A-0608	71,90	67,50
59	TNS-A-0609	Căn hộ A-0609	71,90	67,50
60	TNS-A-0610	Căn hộ A-0610	71,90	67,50
61	TNS-A-0611	Căn hộ A-0611	74,70	68,80
62	TNS-A-0701	Căn hộ A-0701	74,70	68,30
63	TNS-A-0702	Căn hộ A-0702	71,90	67,00
64	TNS-A-0703	Căn hộ A-0703	53,30	49,20
65	TNS-A-0704	Căn hộ A-0704	71,90	67,00
66	TNS-A-0705	Căn hộ A-0705	74,70	68,30
67	TNS-A-0706	Căn hộ A-0706	74,70	68,80
68	TNS-A-0707	Căn hộ A-0707	71,90	67,50
69	TNS-A-0708	Căn hộ A-0708	71,90	67,50
70	TNS-A-0709	Căn hộ A-0709	71,90	67,50
71	TNS-A-0710	Căn hộ A-0710	71,90	67,50
72	TNS-A-0711	Căn hộ A-0711	74,70	68,80
73	TNS-A-0801	Căn hộ A-0801	74,70	68,30
74	TNS-A-0802	Căn hộ A-0802	71,90	67,00
75	TNS-A-0803	Căn hộ A-0803	53,30	49,20

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
76	TNS-A-0804	Căn hộ A-0804	71,90	67,00
77	TNS-A-0805	Căn hộ A-0805	74,70	68,30
78	TNS-A-0806	Căn hộ A-0806	74,70	68,80
79	TNS-A-0807	Căn hộ A-0807	71,90	67,50
80	TNS-A-0808	Căn hộ A-0808	71,90	67,50
81	TNS-A-0809	Căn hộ A-0809	71,90	67,50
82	TNS-A-0810	Căn hộ A-0810	71,90	67,50
83	TNS-A-0811	Căn hộ A-0811	74,70	68,80
84	TNS-A-0901	Căn hộ A-0901	74,70	68,30
85	TNS-A-0902	Căn hộ A-0902	71,90	67,00
86	TNS-A-0903	Căn hộ A-0903	53,30	49,20
87	TNS-A-0904	Căn hộ A-0904	71,90	67,00
88	TNS-A-0905	Căn hộ A-0905	74,70	68,30
89	TNS-A-0906	Căn hộ A-0906	74,70	68,80
90	TNS-A-0907	Căn hộ A-0907	71,90	67,50
91	TNS-A-0908	Căn hộ A-0908	71,90	67,50
92	TNS-A-0909	Căn hộ A-0909	71,90	67,50
93	TNS-A-0910	Căn hộ A-0910	71,90	67,50
94	TNS-A-0911	Căn hộ A-0911	74,70	68,80
Tổng cộng			6.659,70	6.179,70

CT

PHỤ LỤC 01. DANH SÁCH CĂN HỘ
DỰ ÁN: ĐTXD KHU NHÀ Ở XÃ HỘI THỐNG NHẤT SMART CITY
TÒA B

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
1	TNS-B-0101	Căn hộ B-0101	67,70	62,10
2	TNS-B-0102	Căn hộ B-0102	67,60	62,10
3	TNS-B-0103	Căn hộ B-0103	67,70	62,10
4	TNS-B-0104	Căn hộ B-0104	67,60	62,70
5	TNS-B-0105	Căn hộ B-0105	67,70	62,70
6	TNS-B-0106	Căn hộ B-0106	67,70	62,70
7	TNS-B-0201	Căn hộ B-0201	74,70	68,50
8	TNS-B-0202	Căn hộ B-0202	74,40	69,50
9	TNS-B-0203	Căn hộ B-0203	55,20	51,10
10	TNS-B-0204	Căn hộ B-0204	74,40	69,50
11	TNS-B-0205	Căn hộ B-0205	74,70	68,40
12	TNS-B-0206	Căn hộ B-0206	74,70	68,90
13	TNS-B-0207	Căn hộ B-0207	74,40	70,00
14	TNS-B-0208	Căn hộ B-0208	74,50	70,00
15	TNS-B-0209	Căn hộ B-0209	74,40	69,90
16	TNS-B-0210	Căn hộ B-0210	74,40	69,90
17	TNS-B-0211	Căn hộ B-0211	74,70	68,90
18	TNS-B-0301	Căn hộ B-0301	74,70	68,50
19	TNS-B-0302	Căn hộ B-0302	74,40	69,50
20	TNS-B-0303	Căn hộ B-0303	55,20	51,10
21	TNS-B-0304	Căn hộ B-0304	74,40	69,50
22	TNS-B-0305	Căn hộ B-0305	74,70	68,40
23	TNS-B-0306	Căn hộ B-0306	74,70	68,90
24	TNS-B-0307	Căn hộ B-0307	74,40	70,00
25	TNS-B-0308	Căn hộ B-0308	74,50	70,00
26	TNS-B-0309	Căn hộ B-0309	74,40	69,90
27	TNS-B-0310	Căn hộ B-0310	74,40	69,90
28	TNS-B-0311	Căn hộ B-0311	74,70	68,90
29	TNS-B-0401	Căn hộ B-0401	74,70	68,50
30	TNS-B-0402	Căn hộ B-0402	74,40	69,50
31	TNS-B-0403	Căn hộ B-0403	55,20	51,10
32	TNS-B-0404	Căn hộ B-0404	74,40	69,50
33	TNS-B-0405	Căn hộ B-0405	74,70	68,40

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
34	TNS-B-0406	Căn hộ B-0406	74,70	68,90
35	TNS-B-0407	Căn hộ B-0407	74,40	70,00
36	TNS-B-0408	Căn hộ B-0408	74,50	70,00
37	TNS-B-0409	Căn hộ B-0409	74,40	69,90
38	TNS-B-0410	Căn hộ B-0410	74,40	69,90
39	TNS-B-0411	Căn hộ B-0411	74,70	68,90
40	TNS-B-0501	Căn hộ B-0501	74,70	68,50
41	TNS-B-0502	Căn hộ B-0502	74,40	69,50
42	TNS-B-0503	Căn hộ B-0503	55,20	51,10
43	TNS-B-0504	Căn hộ B-0504	74,40	69,50
44	TNS-B-0505	Căn hộ B-0505	74,70	68,40
45	TNS-B-0506	Căn hộ B-0506	74,70	68,90
46	TNS-B-0507	Căn hộ B-0507	74,40	70,00
47	TNS-B-0508	Căn hộ B-0508	74,50	70,00
48	TNS-B-0509	Căn hộ B-0509	74,40	69,90
49	TNS-B-0510	Căn hộ B-0510	74,40	69,90
50	TNS-B-0511	Căn hộ B-0511	74,70	68,90
51	TNS-B-0601	Căn hộ B-0601	74,70	68,50
52	TNS-B-0602	Căn hộ B-0602	74,40	69,50
53	TNS-B-0603	Căn hộ B-0603	55,20	51,10
54	TNS-B-0604	Căn hộ B-0604	74,40	69,50
55	TNS-B-0605	Căn hộ B-0605	74,70	68,40
56	TNS-B-0606	Căn hộ B-0606	74,70	68,90
57	TNS-B-0607	Căn hộ B-0607	74,40	70,00
58	TNS-B-0608	Căn hộ B-0608	74,50	70,00
59	TNS-B-0609	Căn hộ B-0609	74,40	69,90
60	TNS-B-0610	Căn hộ B-0610	74,40	69,90
61	TNS-B-0611	Căn hộ B-0611	74,70	68,90
62	TNS-B-0701	Căn hộ B-0701	74,70	68,50
63	TNS-B-0702	Căn hộ B-0702	74,40	69,50
64	TNS-B-0703	Căn hộ B-0703	55,20	51,10
65	TNS-B-0704	Căn hộ B-0704	74,40	69,50
66	TNS-B-0705	Căn hộ B-0705	74,70	68,40
67	TNS-B-0706	Căn hộ B-0706	74,70	68,90
68	TNS-B-0707	Căn hộ B-0707	74,40	70,00
69	TNS-B-0708	Căn hộ B-0708	74,50	70,00
70	TNS-B-0709	Căn hộ B-0709	74,40	69,90
71	TNS-B-0710	Căn hộ B-0710	74,40	69,90

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
72	TNS-B-0711	Căn hộ B-0711	74,70	68,90
73	TNS-B-0801	Căn hộ B-0801	74,70	68,50
74	TNS-B-0802	Căn hộ B-0802	74,40	69,50
75	TNS-B-0803	Căn hộ B-0803	55,20	51,10
76	TNS-B-0804	Căn hộ B-0804	74,40	69,50
77	TNS-B-0805	Căn hộ B-0805	74,70	68,40
78	TNS-B-0806	Căn hộ B-0806	74,70	68,90
79	TNS-B-0807	Căn hộ B-0807	74,40	70,00
80	TNS-B-0808	Căn hộ B-0808	74,50	70,00
81	TNS-B-0809	Căn hộ B-0809	74,40	69,90
82	TNS-B-0810	Căn hộ B-0810	74,40	69,90
83	TNS-B-0811	Căn hộ B-0811	74,70	68,90
84	TNS-B-0901	Căn hộ B-0901	74,70	68,50
85	TNS-B-0902	Căn hộ B-0902	74,40	69,50
86	TNS-B-0903	Căn hộ B-0903	55,20	51,10
87	TNS-B-0904	Căn hộ B-0904	74,40	69,50
88	TNS-B-0905	Căn hộ B-0905	74,70	68,40
89	TNS-B-0906	Căn hộ B-0906	74,70	68,90
90	TNS-B-0907	Căn hộ B-0907	74,40	70,00
91	TNS-B-0908	Căn hộ B-0908	74,50	70,00
92	TNS-B-0909	Căn hộ B-0909	74,40	69,90
93	TNS-B-0910	Căn hộ B-0910	74,40	69,90
94	TNS-B-0911	Căn hộ B-0911	74,70	68,90
	Tổng cộng		6.810,00	6.331,20

✍

PHỤ LỤC 01. DANH SÁCH CĂN HỘ
DỰ ÁN: ĐTXD KHU NHÀ Ở XÃ HỘI THỐNG NHẤT SMART CITY
TÒA C

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
1	TNS-C-0101	Căn hộ C-0101	67,70	62,10
2	TNS-C-0102	Căn hộ C-0102	67,60	62,10
3	TNS-C-0103	Căn hộ C-0103	67,70	62,10
4	TNS-C-0104	Căn hộ C-0104	67,60	62,70
5	TNS-C-0105	Căn hộ C-0105	67,70	62,70
6	TNS-C-0106	Căn hộ C-0106	67,70	62,70
7	TNS-C-0201	Căn hộ C-0201	74,70	68,50
8	TNS-C-0202	Căn hộ C-0202	74,40	69,50
9	TNS-C-0203	Căn hộ C-0203	55,20	51,10
10	TNS-C-0204	Căn hộ C-0204	74,40	69,50
11	TNS-C-0205	Căn hộ C-0205	74,70	68,40
12	TNS-C-0206	Căn hộ C-0206	74,70	68,90
13	TNS-C-0207	Căn hộ C-0207	74,40	70,00
14	TNS-C-0208	Căn hộ C-0208	74,50	70,00
15	TNS-C-0209	Căn hộ C-0209	74,40	69,90
16	TNS-C-0210	Căn hộ C-0210	74,40	69,90
17	TNS-C-0211	Căn hộ C-0211	74,70	68,90
18	TNS-C-0301	Căn hộ C-0301	74,70	68,50
19	TNS-C-0302	Căn hộ C-0302	74,40	69,50
20	TNS-C-0303	Căn hộ C-0303	55,20	51,10
21	TNS-C-0304	Căn hộ C-0304	74,40	69,50
22	TNS-C-0305	Căn hộ C-0305	74,70	68,40
23	TNS-C-0306	Căn hộ C-0306	74,70	68,90
24	TNS-C-0307	Căn hộ C-0307	74,40	70,00
25	TNS-C-0308	Căn hộ C-0308	74,50	70,00
26	TNS-C-0309	Căn hộ C-0309	74,40	69,90
27	TNS-C-0310	Căn hộ C-0310	74,40	69,90
28	TNS-C-0311	Căn hộ C-0311	74,70	68,90
29	TNS-C-0401	Căn hộ C-0401	74,70	68,50
30	TNS-C-0402	Căn hộ C-0402	74,40	69,50
31	TNS-C-0403	Căn hộ C-0403	55,20	51,10
32	TNS-C-0404	Căn hộ C-0404	74,40	69,50
33	TNS-C-0405	Căn hộ C-0405	74,70	68,40
34	TNS-C-0406	Căn hộ C-0406	74,70	68,90
35	TNS-C-0407	Căn hộ C-0407	74,40	70,00

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
36	TNS-C-0408	Căn hộ C-0408	74,50	70,00
37	TNS-C-0409	Căn hộ C-0409	74,40	69,90
38	TNS-C-0410	Căn hộ C-0410	74,40	69,90
39	TNS-C-0411	Căn hộ C-0411	74,70	68,90
40	TNS-C-0501	Căn hộ C-0501	74,70	68,50
41	TNS-C-0502	Căn hộ C-0502	74,40	69,50
42	TNS-C-0503	Căn hộ C-0503	55,20	51,10
43	TNS-C-0504	Căn hộ C-0504	74,40	69,50
44	TNS-C-0505	Căn hộ C-0505	74,70	68,40
45	TNS-C-0506	Căn hộ C-0506	74,70	68,90
46	TNS-C-0507	Căn hộ C-0507	74,40	70,00
47	TNS-C-0508	Căn hộ C-0508	74,50	70,00
48	TNS-C-0509	Căn hộ C-0509	74,40	69,90
49	TNS-C-0510	Căn hộ C-0510	74,40	69,90
50	TNS-C-0511	Căn hộ C-0511	74,70	68,90
51	TNS-C-0601	Căn hộ C-0601	74,70	68,50
52	TNS-C-0602	Căn hộ C-0602	74,40	69,50
53	TNS-C-0603	Căn hộ C-0603	55,20	51,10
54	TNS-C-0604	Căn hộ C-0604	74,40	69,50
55	TNS-C-0605	Căn hộ C-0605	74,70	68,40
56	TNS-C-0606	Căn hộ C-0606	74,70	68,90
57	TNS-C-0607	Căn hộ C-0607	74,40	70,00
58	TNS-C-0608	Căn hộ C-0608	74,50	70,00
59	TNS-C-0609	Căn hộ C-0609	74,40	69,90
60	TNS-C-0610	Căn hộ C-0610	74,40	69,90
61	TNS-C-0611	Căn hộ C-0611	74,70	68,90
62	TNS-C-0701	Căn hộ C-0701	74,70	68,50
63	TNS-C-0702	Căn hộ C-0702	74,40	69,50
64	TNS-C-0703	Căn hộ C-0703	55,20	51,10
65	TNS-C-0704	Căn hộ C-0704	74,40	69,50
66	TNS-C-0705	Căn hộ C-0705	74,70	68,40
67	TNS-C-0706	Căn hộ C-0706	74,70	68,90
68	TNS-C-0707	Căn hộ C-0707	74,40	70,00
69	TNS-C-0708	Căn hộ C-0708	74,50	70,00
70	TNS-C-0709	Căn hộ C-0709	74,40	69,90
71	TNS-C-0710	Căn hộ C-0710	74,40	69,90
72	TNS-C-0711	Căn hộ C-0711	74,70	68,90
73	TNS-C-0801	Căn hộ C-0801	74,70	68,50
74	TNS-C-0802	Căn hộ C-0802	74,40	69,50
75	TNS-C-0803	Căn hộ C-0803	55,20	51,10

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
76	TNS-C-0804	Căn hộ C-0804	74,40	69,50
77	TNS-C-0805	Căn hộ C-0805	74,70	68,40
78	TNS-C-0806	Căn hộ C-0806	74,70	68,90
79	TNS-C-0807	Căn hộ C-0807	74,40	70,00
80	TNS-C-0808	Căn hộ C-0808	74,50	70,00
81	TNS-C-0809	Căn hộ C-0809	74,40	69,90
82	TNS-C-0810	Căn hộ C-0810	74,40	69,90
83	TNS-C-0811	Căn hộ C-0811	74,70	68,90
84	TNS-C-0901	Căn hộ C-0901	74,70	68,50
85	TNS-C-0902	Căn hộ C-0902	74,40	69,50
86	TNS-C-0903	Căn hộ C-0903	55,20	51,10
87	TNS-C-0904	Căn hộ C-0904	74,40	69,50
88	TNS-C-0905	Căn hộ C-0905	74,70	68,40
89	TNS-C-0906	Căn hộ C-0906	74,70	68,90
90	TNS-C-0907	Căn hộ C-0907	74,40	70,00
91	TNS-C-0908	Căn hộ C-0908	74,50	70,00
92	TNS-C-0909	Căn hộ C-0909	74,40	69,90
93	TNS-C-0910	Căn hộ C-0910	74,40	69,90
94	TNS-C-0911	Căn hộ C-0911	74,70	68,90
	Tổng cộng		6.810,00	6.331,20

ct

PHỤ LỤC 01. DANH SÁCH CĂN HỘ
DỰ ÁN: ĐTXD KHU NHÀ Ở XÃ HỘI THỐNG NHẤT SMART CITY
TÒA F

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
1	TNS-F-0101	Căn hộ F-0101	67,70	62,10
2	TNS-F-0102	Căn hộ F-0102	67,60	62,10
3	TNS-F-0103	Căn hộ F-0103	67,70	62,10
4	TNS-F-0104	Căn hộ F-0104	67,60	62,70
5	TNS-F-0105	Căn hộ F-0105	67,70	62,70
6	TNS-F-0106	Căn hộ F-0106	67,70	62,70
7	TNS-F-0201	Căn hộ F-0201	74,70	68,50
8	TNS-F-0202	Căn hộ F-0202	74,40	69,50
9	TNS-F-0203	Căn hộ F-0203	55,20	51,10
10	TNS-F-0204	Căn hộ F-0204	74,40	69,50
11	TNS-F-0205	Căn hộ F-0205	74,70	68,40
12	TNS-F-0206	Căn hộ F-0206	74,70	68,90
13	TNS-F-0207	Căn hộ F-0207	74,40	70,00
14	TNS-F-0208	Căn hộ F-0208	74,50	70,00
15	TNS-F-0209	Căn hộ F-0209	74,40	69,90
16	TNS-F-0210	Căn hộ F-0210	74,40	69,90
17	TNS-F-0211	Căn hộ F-0211	74,70	68,90
18	TNS-F-0301	Căn hộ F-0301	74,70	68,50
19	TNS-F-0302	Căn hộ F-0302	74,40	69,50
20	TNS-F-0303	Căn hộ F-0303	55,20	51,10
21	TNS-F-0304	Căn hộ F-0304	74,40	69,50
22	TNS-F-0305	Căn hộ F-0305	74,70	68,40
23	TNS-F-0306	Căn hộ F-0306	74,70	68,90
24	TNS-F-0307	Căn hộ F-0307	74,40	70,00
25	TNS-F-0308	Căn hộ F-0308	74,50	70,00
26	TNS-F-0309	Căn hộ F-0309	74,40	69,90
27	TNS-F-0310	Căn hộ F-0310	74,40	69,90
28	TNS-F-0311	Căn hộ F-0311	74,70	68,90
29	TNS-F-0401	Căn hộ F-0401	74,70	68,50
30	TNS-F-0402	Căn hộ F-0402	74,40	69,50
31	TNS-F-0403	Căn hộ F-0403	55,20	51,10
32	TNS-F-0404	Căn hộ F-0404	74,40	69,50
33	TNS-F-0405	Căn hộ F-0405	74,70	68,40
34	TNS-F-0406	Căn hộ F-0406	74,70	68,90
35	TNS-F-0407	Căn hộ F-0407	74,40	70,00

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
36	TNS-F-0408	Căn hộ F-0408	74,50	70,00
37	TNS-F-0409	Căn hộ F-0409	74,40	69,90
38	TNS-F-0410	Căn hộ F-0410	74,40	69,90
39	TNS-F-0411	Căn hộ F-0411	74,70	68,90
40	TNS-F-0501	Căn hộ F-0501	74,70	68,50
41	TNS-F-0502	Căn hộ F-0502	74,40	69,50
42	TNS-F-0503	Căn hộ F-0503	55,20	51,10
43	TNS-F-0504	Căn hộ F-0504	74,40	69,50
44	TNS-F-0505	Căn hộ F-0505	74,70	68,40
45	TNS-F-0506	Căn hộ F-0506	74,70	68,90
46	TNS-F-0507	Căn hộ F-0507	74,40	70,00
47	TNS-F-0508	Căn hộ F-0508	74,50	70,00
48	TNS-F-0509	Căn hộ F-0509	74,40	69,90
49	TNS-F-0510	Căn hộ F-0510	74,40	69,90
50	TNS-F-0511	Căn hộ F-0511	74,70	68,90
51	TNS-F-0601	Căn hộ F-0601	74,70	68,50
52	TNS-F-0602	Căn hộ F-0602	74,40	69,50
53	TNS-F-0603	Căn hộ F-0603	55,20	51,10
54	TNS-F-0604	Căn hộ F-0604	74,40	69,50
55	TNS-F-0605	Căn hộ F-0605	74,70	68,40
56	TNS-F-0606	Căn hộ F-0606	74,70	68,90
57	TNS-F-0607	Căn hộ F-0607	74,40	70,00
58	TNS-F-0608	Căn hộ F-0608	74,50	70,00
59	TNS-F-0609	Căn hộ F-0609	74,40	69,90
60	TNS-F-0610	Căn hộ F-0610	74,40	69,90
61	TNS-F-0611	Căn hộ F-0611	74,70	68,90
62	TNS-F-0701	Căn hộ F-0701	74,70	68,50
63	TNS-F-0702	Căn hộ F-0702	74,40	69,50
64	TNS-F-0703	Căn hộ F-0703	55,20	51,10
65	TNS-F-0704	Căn hộ F-0704	74,40	69,50
66	TNS-F-0705	Căn hộ F-0705	74,70	68,40
67	TNS-F-0706	Căn hộ F-0706	74,70	68,90
68	TNS-F-0707	Căn hộ F-0707	74,40	70,00
69	TNS-F-0708	Căn hộ F-0708	74,50	70,00
70	TNS-F-0709	Căn hộ F-0709	74,40	69,90
71	TNS-F-0710	Căn hộ F-0710	74,40	69,90
72	TNS-F-0711	Căn hộ F-0711	74,70	68,90
73	TNS-F-0801	Căn hộ F-0801	74,70	68,50
74	TNS-F-0802	Căn hộ F-0802	74,40	69,50
75	TNS-F-0803	Căn hộ F-0803	55,20	51,10

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
76	TNS-F-0804	Căn hộ F-0804	74,40	69,50
77	TNS-F-0805	Căn hộ F-0805	74,70	68,40
78	TNS-F-0806	Căn hộ F-0806	74,70	68,90
79	TNS-F-0807	Căn hộ F-0807	74,40	70,00
80	TNS-F-0808	Căn hộ F-0808	74,50	70,00
81	TNS-F-0809	Căn hộ F-0809	74,40	69,90
82	TNS-F-0810	Căn hộ F-0810	74,40	69,90
83	TNS-F-0811	Căn hộ F-0811	74,70	68,90
84	TNS-F-0901	Căn hộ F-0901	74,70	68,50
85	TNS-F-0902	Căn hộ F-0902	74,40	69,50
86	TNS-F-0903	Căn hộ F-0903	55,20	51,10
87	TNS-F-0904	Căn hộ F-0904	74,40	69,50
88	TNS-F-0905	Căn hộ F-0905	74,70	68,40
89	TNS-F-0906	Căn hộ F-0906	74,70	68,90
90	TNS-F-0907	Căn hộ F-0907	74,40	70,00
91	TNS-F-0908	Căn hộ F-0908	74,50	70,00
92	TNS-F-0909	Căn hộ F-0909	74,40	69,90
93	TNS-F-0910	Căn hộ F-0910	74,40	69,90
94	TNS-F-0911	Căn hộ F-0911	74,70	68,90
	Tổng cộng		6.810,00	6.331,20

Handwritten signature

PHỤ LỤC 01. DANH SÁCH CĂN HỘ
DỰ ÁN: ĐTXD KHU NHÀ Ở XÃ HỘI THỐNG NHẤT SMART CITY
TÒA D

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
1	TNS-D-0101	Căn hộ D-0101	67,70	62,10
2	TNS-D-0102	Căn hộ D-0102	67,60	62,10
3	TNS-D-0103	Căn hộ D-0103	67,70	62,10
4	TNS-D-0104	Căn hộ D-0104	67,60	62,70
5	TNS-D-0105	Căn hộ D-0105	67,70	62,70
6	TNS-D-0106	Căn hộ D-0106	67,70	62,70
7	TNS-D-0201	Căn hộ D-0201	74,70	68,50
8	TNS-D-0203	Căn hộ D-0203	55,20	51,10
9	TNS-D-0205	Căn hộ D-0205	74,70	68,40
10	TNS-D-0206	Căn hộ D-0206	74,70	68,90
11	TNS-D-0211	Căn hộ D-0211	74,70	68,90
12	TNS-D-0301	Căn hộ D-0301	74,70	68,50
13	TNS-D-0303	Căn hộ D-0303	55,20	51,10
14	TNS-D-0304	Căn hộ D-0304	74,40	69,50
15	TNS-D-0305	Căn hộ D-0305	74,70	68,40
16	TNS-D-0306	Căn hộ D-0306	74,70	68,90
17	TNS-D-0311	Căn hộ D-0311	74,70	68,90
18	TNS-D-0401	Căn hộ D-0401	74,70	68,50
19	TNS-D-0402	Căn hộ D-0402	74,40	69,50
20	TNS-D-0403	Căn hộ D-0403	55,20	51,10
21	TNS-D-0405	Căn hộ D-0405	74,70	68,40
22	TNS-D-0406	Căn hộ D-0406	74,70	68,90
23	TNS-D-0407	Căn hộ D-0407	74,40	70,00
24	TNS-D-0409	Căn hộ D-0409	74,40	69,90
25	TNS-D-0411	Căn hộ D-0411	74,70	68,90
26	TNS-D-0501	Căn hộ D-0501	74,70	68,50
27	TNS-D-0502	Căn hộ D-0502	74,40	69,50
28	TNS-D-0503	Căn hộ D-0503	55,20	51,10
29	TNS-D-0505	Căn hộ D-0505	74,70	68,40
30	TNS-D-0506	Căn hộ D-0506	74,70	68,90
31	TNS-D-0507	Căn hộ D-0507	74,40	70,00
32	TNS-D-0510	Căn hộ D-0510	74,40	69,90
33	TNS-D-0511	Căn hộ D-0511	74,70	68,90
34	TNS-D-0601	Căn hộ D-0601	74,70	68,50

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
35	TNS-D-0603	Căn hộ D-0603	55,20	51,10
36	TNS-D-0605	Căn hộ D-0605	74,70	68,40
37	TNS-D-0606	Căn hộ D-0606	74,70	68,90
38	TNS-D-0609	Căn hộ D-0609	74,40	69,90
39	TNS-D-0610	Căn hộ D-0610	74,40	69,90
40	TNS-D-0611	Căn hộ D-0611	74,70	68,90
41	TNS-D-0701	Căn hộ D-0701	74,70	68,50
42	TNS-D-0702	Căn hộ D-0702	74,40	69,50
43	TNS-D-0703	Căn hộ D-0703	55,20	51,10
44	TNS-D-0705	Căn hộ D-0705	74,70	68,40
45	TNS-D-0706	Căn hộ D-0706	74,70	68,90
46	TNS-D-0707	Căn hộ D-0707	74,40	70,00
47	TNS-D-0709	Căn hộ D-0709	74,40	69,90
48	TNS-D-0711	Căn hộ D-0711	74,70	68,90
49	TNS-D-0801	Căn hộ D-0801	74,70	68,50
50	TNS-D-0803	Căn hộ D-0803	55,20	51,10
51	TNS-D-0804	Căn hộ D-0804	74,40	69,50
52	TNS-D-0805	Căn hộ D-0805	74,70	68,40
53	TNS-D-0806	Căn hộ D-0806	74,70	68,90
54	TNS-D-0807	Căn hộ D-0807	74,40	70,00
55	TNS-D-0809	Căn hộ D-0809	74,40	69,90
56	TNS-D-0810	Căn hộ D-0810	74,40	69,90
57	TNS-D-0811	Căn hộ D-0811	74,70	68,90
58	TNS-D-0901	Căn hộ D-0901	74,70	68,50
59	TNS-D-0903	Căn hộ D-0903	55,20	51,10
60	TNS-D-0904	Căn hộ D-0904	74,40	69,50
61	TNS-D-0905	Căn hộ D-0905	74,70	68,40
62	TNS-D-0906	Căn hộ D-0906	74,70	68,90
63	TNS-D-0910	Căn hộ D-0910	74,40	69,90
64	TNS-D-0911	Căn hộ D-0911	74,70	68,90
	Tổng cộng		4.577,20	4.237,00

Handwritten signature

PHỤ LỤC 01. DANH SÁCH CĂN HỘ
DỰ ÁN: ĐTXD KHU NHÀ Ở XÃ HỘI TỔNG NHẤT SMART CITY
TÒA E

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
1	TNS-E-0101	Căn hộ E-0101	67,70	62,10
2	TNS-E-0102	Căn hộ E-0102	67,60	62,10
3	TNS-E-0103	Căn hộ E-0103	67,70	62,10
4	TNS-E-0104	Căn hộ E-0104	67,60	62,70
5	TNS-E-0105	Căn hộ E-0105	67,70	62,70
6	TNS-E-0106	Căn hộ E-0106	67,70	62,70
7	TNS-E-0201	Căn hộ E-0201	74,70	68,50
8	TNS-E-0202	Căn hộ E-0202	74,40	69,50
9	TNS-E-0203	Căn hộ E-0203	55,20	51,10
10	TNS-E-0204	Căn hộ E-0204	74,40	69,50
11	TNS-E-0205	Căn hộ E-0205	74,70	68,40
12	TNS-E-0206	Căn hộ E-0206	74,70	68,90
13	TNS-E-0211	Căn hộ E-0211	74,70	68,90
14	TNS-E-0301	Căn hộ E-0301	74,70	68,50
15	TNS-E-0302	Căn hộ E-0302	74,40	69,50
16	TNS-E-0303	Căn hộ E-0303	55,20	51,10
17	TNS-E-0305	Căn hộ E-0305	74,70	68,40
18	TNS-E-0306	Căn hộ E-0306	74,70	68,90
19	TNS-E-0307	Căn hộ E-0307	74,40	70,00
20	TNS-E-0311	Căn hộ E-0311	74,70	68,90
21	TNS-E-0401	Căn hộ E-0401	74,70	68,50
22	TNS-E-0402	Căn hộ E-0402	74,40	69,50
23	TNS-E-0403	Căn hộ E-0403	55,20	51,10
24	TNS-E-0404	Căn hộ E-0404	74,40	69,50
25	TNS-E-0405	Căn hộ E-0405	74,70	68,40
26	TNS-E-0406	Căn hộ E-0406	74,70	68,90
27	TNS-E-0409	Căn hộ E-0409	74,40	69,90
28	TNS-E-0411	Căn hộ E-0411	74,70	68,90
29	TNS-E-0502	Căn hộ E-0502	74,40	69,50
30	TNS-E-0503	Căn hộ E-0503	55,20	51,10
31	TNS-E-0504	Căn hộ E-0504	74,40	69,50
32	TNS-E-0505	Căn hộ E-0505	74,70	68,40
33	TNS-E-0506	Căn hộ E-0506	74,70	68,90
34	TNS-E-0508	Căn hộ E-0508	74,50	70,00
35	TNS-E-0511	Căn hộ E-0511	74,70	68,90
36	TNS-E-0601	Căn hộ E-0601	74,70	68,50

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
37	TNS-E-0602	Căn hộ E-0602	74,40	69,50
38	TNS-E-0603	Căn hộ E-0603	55,20	51,10
39	TNS-E-0604	Căn hộ E-0604	74,40	69,50
40	TNS-E-0605	Căn hộ E-0605	74,70	68,40
41	TNS-E-0606	Căn hộ E-0606	74,70	68,90
42	TNS-E-0609	Căn hộ E-0609	74,40	69,90
43	TNS-E-0611	Căn hộ E-0611	74,70	68,90
44	TNS-E-0701	Căn hộ E-0701	74,70	68,50
45	TNS-E-0703	Căn hộ E-0703	55,20	51,10
46	TNS-E-0704	Căn hộ E-0704	74,40	69,50
47	TNS-E-0705	Căn hộ E-0705	74,70	68,40
48	TNS-E-0706	Căn hộ E-0706	74,70	68,90
49	TNS-E-0708	Căn hộ E-0708	74,50	70,00
50	TNS-E-0711	Căn hộ E-0711	74,70	68,90
51	TNS-E-0801	Căn hộ E-0801	74,70	68,50
52	TNS-E-0802	Căn hộ E-0802	74,40	69,50
53	TNS-E-0803	Căn hộ E-0803	55,20	51,10
54	TNS-E-0804	Căn hộ E-0804	74,40	69,50
55	TNS-E-0805	Căn hộ E-0805	74,70	68,40
56	TNS-E-0806	Căn hộ E-0806	74,70	68,90
57	TNS-E-0807	Căn hộ E-0807	74,40	70,00
58	TNS-E-0808	Căn hộ E-0808	74,50	70,00
59	TNS-E-0811	Căn hộ E-0811	74,70	68,90
60	TNS-E-0901	Căn hộ E-0901	74,70	68,50
61	TNS-E-0902	Căn hộ E-0902	74,40	69,50
62	TNS-E-0903	Căn hộ E-0903	55,20	51,10
63	TNS-E-0905	Căn hộ E-0905	74,70	68,40
64	TNS-E-0906	Căn hộ E-0906	74,70	68,90
65	TNS-E-0911	Căn hộ E-0911	74,70	68,90
	Tổng cộng		4.651,60	4.305,60

CA

PHỤ LỤC 01. DANH SÁCH CĂN HỘ
DỰ ÁN: ĐTXD KHU NHÀ Ở XÃ HỘI THỐNG NHẤT SMART CITY
TÒA G

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
1	TNS-G-0101	Căn hộ G-0101	67,70	62,10
2	TNS-G-0102	Căn hộ G-0102	67,60	62,10
3	TNS-G-0103	Căn hộ G-0103	67,70	62,10
4	TNS-G-0104	Căn hộ G-0104	67,60	62,70
5	TNS-G-0105	Căn hộ G-0105	67,70	62,70
6	TNS-G-0106	Căn hộ G-0106	67,70	62,70
7	TNS-G-0201	Căn hộ G-0201	74,70	68,50
8	TNS-G-0202	Căn hộ G-0202	74,40	69,50
9	TNS-G-0203	Căn hộ G-0203	55,20	51,10
10	TNS-G-0204	Căn hộ G-0204	74,40	69,50
11	TNS-G-0205	Căn hộ G-0205	74,70	68,40
12	TNS-G-0206	Căn hộ G-0206	74,70	68,90
13	TNS-G-0207	Căn hộ G-0207	74,40	70,00
14	TNS-G-0208	Căn hộ G-0208	74,50	70,00
15	TNS-G-0209	Căn hộ G-0209	74,40	69,90
16	TNS-G-0210	Căn hộ G-0210	74,40	69,90
17	TNS-G-0211	Căn hộ G-0211	74,70	68,90
18	TNS-G-0301	Căn hộ G-0301	74,70	68,50
19	TNS-G-0302	Căn hộ G-0302	74,40	69,50
20	TNS-G-0303	Căn hộ G-0303	55,20	51,10
21	TNS-G-0304	Căn hộ G-0304	74,40	69,50
22	TNS-G-0305	Căn hộ G-0305	74,70	68,40
23	TNS-G-0306	Căn hộ G-0306	74,70	68,90
24	TNS-G-0307	Căn hộ G-0307	74,40	70,00
25	TNS-G-0308	Căn hộ G-0308	74,50	70,00
26	TNS-G-0309	Căn hộ G-0309	74,40	69,90
27	TNS-G-0310	Căn hộ G-0310	74,40	69,90

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
28	TNS-G-0311	Căn hộ G-0311	74,70	68,90
29	TNS-G-0401	Căn hộ G-0401	74,70	68,50
30	TNS-G-0402	Căn hộ G-0402	74,40	69,50
31	TNS-G-0403	Căn hộ G-0403	55,20	51,10
32	TNS-G-0404	Căn hộ G-0404	74,40	69,50
33	TNS-G-0405	Căn hộ G-0405	74,70	68,40
34	TNS-G-0406	Căn hộ G-0406	74,70	68,90
35	TNS-G-0407	Căn hộ G-0407	74,40	70,00
36	TNS-G-0408	Căn hộ G-0408	74,50	70,00
37	TNS-G-0409	Căn hộ G-0409	74,40	69,90
38	TNS-G-0410	Căn hộ G-0410	74,40	69,90
39	TNS-G-0411	Căn hộ G-0411	74,70	68,90
40	TNS-G-0501	Căn hộ G-0501	74,70	68,50
41	TNS-G-0502	Căn hộ G-0502	74,40	69,50
42	TNS-G-0503	Căn hộ G-0503	55,20	51,10
43	TNS-G-0504	Căn hộ G-0504	74,40	69,50
44	TNS-G-0505	Căn hộ G-0505	74,70	68,40
45	TNS-G-0506	Căn hộ G-0506	74,70	68,90
46	TNS-G-0507	Căn hộ G-0507	74,40	70,00
47	TNS-G-0508	Căn hộ G-0508	74,50	70,00
48	TNS-G-0509	Căn hộ G-0509	74,40	69,90
49	TNS-G-0510	Căn hộ G-0510	74,40	69,90
50	TNS-G-0511	Căn hộ G-0511	74,70	68,90
51	TNS-G-0601	Căn hộ G-0601	74,70	68,50
52	TNS-G-0602	Căn hộ G-0602	74,40	69,50
53	TNS-G-0603	Căn hộ G-0603	55,20	51,10
54	TNS-G-0604	Căn hộ G-0604	74,40	69,50
55	TNS-G-0605	Căn hộ G-0605	74,70	68,40
56	TNS-G-0606	Căn hộ G-0606	74,70	68,90
57	TNS-G-0607	Căn hộ G-0607	74,40	70,00
58	TNS-G-0608	Căn hộ G-0608	74,50	70,00

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
59	TNS-G-0609	Căn hộ G-0609	74,40	69,90
60	TNS-G-0610	Căn hộ G-0610	74,40	69,90
61	TNS-G-0611	Căn hộ G-0611	74,70	68,90
62	TNS-G-0701	Căn hộ G-0701	74,70	68,50
63	TNS-G-0702	Căn hộ G-0702	74,40	69,50
64	TNS-G-0703	Căn hộ G-0703	55,20	51,10
65	TNS-G-0704	Căn hộ G-0704	74,40	69,50
66	TNS-G-0705	Căn hộ G-0705	74,70	68,40
67	TNS-G-0706	Căn hộ G-0706	74,70	68,90
68	TNS-G-0707	Căn hộ G-0707	74,40	70,00
69	TNS-G-0708	Căn hộ G-0708	74,50	70,00
70	TNS-G-0709	Căn hộ G-0709	74,40	69,90
71	TNS-G-0710	Căn hộ G-0710	74,40	69,90
72	TNS-G-0711	Căn hộ G-0711	74,70	68,90
73	TNS-G-0801	Căn hộ G-0801	74,70	68,50
74	TNS-G-0802	Căn hộ G-0802	74,40	69,50
75	TNS-G-0803	Căn hộ G-0803	55,20	51,10
76	TNS-G-0804	Căn hộ G-0804	74,40	69,50
77	TNS-G-0805	Căn hộ G-0805	74,70	68,40
78	TNS-G-0806	Căn hộ G-0806	74,70	68,90
79	TNS-G-0807	Căn hộ G-0807	74,40	70,00
80	TNS-G-0808	Căn hộ G-0808	74,50	70,00
81	TNS-G-0809	Căn hộ G-0809	74,40	69,90
82	TNS-G-0810	Căn hộ G-0810	74,40	69,90
83	TNS-G-0811	Căn hộ G-0811	74,70	68,90
84	TNS-G-0901	Căn hộ G-0901	74,70	68,50
85	TNS-G-0902	Căn hộ G-0902	74,40	69,50
86	TNS-G-0903	Căn hộ G-0903	55,20	51,10
87	TNS-G-0904	Căn hộ G-0904	74,40	69,50
88	TNS-G-0905	Căn hộ G-0905	74,70	68,40
89	TNS-G-0906	Căn hộ G-0906	74,70	68,90

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
90	TNS-G-0907	Căn hộ G-0907	74,40	70,00
91	TNS-G-0908	Căn hộ G-0908	74,50	70,00
92	TNS-G-0909	Căn hộ G-0909	74,40	69,90
93	TNS-G-0910	Căn hộ G-0910	74,40	69,90
94	TNS-G-0911	Căn hộ G-0911	74,70	68,90
	Tổng cộng		6.810,00	6.331,20

Handwritten signature

PHỤ LỤC 01. DANH SÁCH CĂN HỘ
DỰ ÁN: ĐTXD KHU NHÀ Ở XÃ HỘI THỐNG NHẤT SMART CITY
TÒA H

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
1	TNS-H-0101	Căn hộ H-0101	67,20	61,70
2	TNS-H-0102	Căn hộ H-0102	67,20	61,70
3	TNS-H-0103	Căn hộ H-0103	66,40	61,40
4	TNS-H-0104	Căn hộ H-0104	66,20	61,40
5	TNS-H-0105	Căn hộ H-0105	48,90	44,10
6	TNS-H-0106	Căn hộ H-0106	67,20	62,30
7	TNS-H-0107	Căn hộ H-0107	67,20	62,30
8	TNS-H-0108	Căn hộ H-0108	66,40	61,90
9	TNS-H-0109	Căn hộ H-0109	66,20	61,90
10	TNS-H-0110	Căn hộ H-0110	67,20	62,20
11	TNS-H-0201	Căn hộ H-0201	77,30	71,00
12	TNS-H-0202	Căn hộ H-0202	74,50	69,50
13	TNS-H-0203	Căn hộ H-0203	55,20	51,10
14	TNS-H-0204	Căn hộ H-0204	74,50	69,50
15	TNS-H-0205	Căn hộ H-0205	74,50	69,50
16	TNS-H-0207	Căn hộ H-0207	55,90	50,60
17	TNS-H-0208	Căn hộ H-0208	77,30	71,50
18	TNS-H-0210	Căn hộ H-0210	74,50	70,00
19	TNS-H-0211	Căn hộ H-0211	74,50	70,00
20	TNS-H-0212	Căn hộ H-0212	74,50	70,00
21	TNS-H-0213	Căn hộ H-0213	74,50	70,00
22	TNS-H-0214	Căn hộ H-0214	74,50	70,00
23	TNS-H-0215	Căn hộ H-0215	77,30	71,50
24	TNS-H-0301	Căn hộ H-0301	77,30	71,00
25	TNS-H-0302	Căn hộ H-0302	74,50	69,50
26	TNS-H-0303	Căn hộ H-0303	55,20	51,10
27	TNS-H-0307	Căn hộ H-0307	55,90	50,60
28	TNS-H-0308	Căn hộ H-0308	77,30	71,50
29	TNS-H-0309	Căn hộ H-0309	74,50	70,00
30	TNS-H-0310	Căn hộ H-0310	74,50	70,00
31	TNS-H-0312	Căn hộ H-0312	74,50	70,00
32	TNS-H-0313	Căn hộ H-0313	74,50	70,00
33	TNS-H-0315	Căn hộ H-0315	77,30	71,50
34	TNS-H-0401	Căn hộ H-0401	77,30	71,00

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
35	TNS-H-0402	Căn hộ H-0402	74,50	69,50
36	TNS-H-0403	Căn hộ H-0403	55,20	51,10
37	TNS-H-0404	Căn hộ H-0404	74,50	69,50
38	TNS-H-0405	Căn hộ H-0405	74,50	69,50
39	TNS-H-0406	Căn hộ H-0406	74,50	69,50
40	TNS-H-0407	Căn hộ H-0407	55,90	50,60
41	TNS-H-0408	Căn hộ H-0408	77,30	71,50
42	TNS-H-0409	Căn hộ H-0409	74,50	70,00
43	TNS-H-0410	Căn hộ H-0410	74,50	70,00
44	TNS-H-0411	Căn hộ H-0411	74,50	70,00
45	TNS-H-0412	Căn hộ H-0412	74,50	70,00
46	TNS-H-0413	Căn hộ H-0413	74,50	70,00
47	TNS-H-0414	Căn hộ H-0414	74,50	70,00
48	TNS-H-0415	Căn hộ H-0415	77,30	71,50
49	TNS-H-0501	Căn hộ H-0501	77,30	71,00
50	TNS-H-0502	Căn hộ H-0502	74,50	69,50
51	TNS-H-0503	Căn hộ H-0503	55,20	51,10
52	TNS-H-0504	Căn hộ H-0504	74,50	69,50
53	TNS-H-0507	Căn hộ H-0507	55,90	50,60
54	TNS-H-0508	Căn hộ H-0508	77,30	71,50
55	TNS-H-0509	Căn hộ H-0509	74,50	70,00
56	TNS-H-0510	Căn hộ H-0510	74,50	70,00
57	TNS-H-0512	Căn hộ H-0512	74,50	70,00
58	TNS-H-0513	Căn hộ H-0513	74,50	70,00
59	TNS-H-0515	Căn hộ H-0515	77,30	71,50
60	TNS-H-0601	Căn hộ H-0601	77,30	71,00
61	TNS-H-0602	Căn hộ H-0602	74,50	69,50
62	TNS-H-0603	Căn hộ H-0603	55,20	51,10
63	TNS-H-0604	Căn hộ H-0604	74,50	69,50
64	TNS-H-0606	Căn hộ H-0606	74,50	69,50
65	TNS-H-0607	Căn hộ H-0607	55,90	50,60
66	TNS-H-0608	Căn hộ H-0608	77,30	71,50
67	TNS-H-0609	Căn hộ H-0609	74,50	70,00
68	TNS-H-0610	Căn hộ H-0610	74,50	70,00
69	TNS-H-0611	Căn hộ H-0611	74,50	70,00
70	TNS-H-0612	Căn hộ H-0612	74,50	70,00
71	TNS-H-0613	Căn hộ H-0613	74,50	70,00
72	TNS-H-0614	Căn hộ H-0614	74,50	70,00
73	TNS-H-0615	Căn hộ H-0615	77,30	71,50

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
74	TNS-H-0701	Căn hộ H-0701	77,30	71,00
75	TNS-H-0702	Căn hộ H-0702	74,50	69,50
76	TNS-H-0704	Căn hộ H-0704	74,50	69,50
77	TNS-H-0705	Căn hộ H-0705	74,50	69,50
78	TNS-H-0706	Căn hộ H-0706	74,50	69,50
79	TNS-H-0707	Căn hộ H-0707	55,90	50,60
80	TNS-H-0708	Căn hộ H-0708	77,30	71,50
81	TNS-H-0709	Căn hộ H-0709	74,50	70,00
82	TNS-H-0711	Căn hộ H-0711	74,50	70,00
83	TNS-H-0712	Căn hộ H-0712	74,50	70,00
84	TNS-H-0714	Căn hộ H-0714	74,50	70,00
85	TNS-H-0715	Căn hộ H-0715	77,30	71,50
86	TNS-H-0801	Căn hộ H-0801	77,30	71,00
87	TNS-H-0802	Căn hộ H-0802	74,50	69,50
88	TNS-H-0803	Căn hộ H-0803	55,20	51,10
89	TNS-H-0804	Căn hộ H-0804	74,50	69,50
90	TNS-H-0805	Căn hộ H-0805	74,50	69,50
91	TNS-H-0806	Căn hộ H-0806	74,50	69,50
92	TNS-H-0807	Căn hộ H-0807	55,90	50,60
93	TNS-H-0808	Căn hộ H-0808	77,30	71,50
94	TNS-H-0809	Căn hộ H-0809	74,50	70,00
95	TNS-H-0810	Căn hộ H-0810	74,50	70,00
96	TNS-H-0811	Căn hộ H-0811	74,50	70,00
97	TNS-H-0812	Căn hộ H-0812	74,50	70,00
98	TNS-H-0813	Căn hộ H-0813	74,50	70,00
99	TNS-H-0814	Căn hộ H-0814	74,50	70,00
100	TNS-H-0815	Căn hộ H-0815	77,30	71,50
101	TNS-H-0901	Căn hộ H-0901	77,30	71,00
102	TNS-H-0902	Căn hộ H-0902	74,50	69,50
103	TNS-H-0903	Căn hộ H-0903	55,20	51,10
104	TNS-H-0904	Căn hộ H-0904	74,50	69,50
105	TNS-H-0905	Căn hộ H-0905	74,50	69,50
106	TNS-H-0906	Căn hộ H-0906	74,50	69,50
107	TNS-H-0907	Căn hộ H-0907	55,90	50,60
108	TNS-H-0908	Căn hộ H-0908	77,30	71,50
109	TNS-H-0909	Căn hộ H-0909	74,50	70,00
110	TNS-H-0910	Căn hộ H-0910	74,50	70,00
111	TNS-H-0912	Căn hộ H-0912	74,50	70,00
112	TNS-H-0913	Căn hộ H-0913	74,50	70,00

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
113	TNS-H-0914	Căn hộ H-0914	74,50	70,00
114	TNS-H-0915	Căn hộ H-0915	77,30	71,50
	Tổng cộng		8.181,40	7.612,90

Handwritten signature

002
 ỘN
 Ồ P
 ỨNG
 Ứ P
 ỨNG
 NH

PHỤ LỤC 01. DANH SÁCH CĂN HỘ
DỰ ÁN: ĐTXD KHU NHÀ Ở XÃ HỘI THỐNG NHẤT SMART CITY
TÒA I

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
1	TNS-I-0101	Căn hộ I-0101	67,20	61,70
2	TNS-I-0102	Căn hộ I-0102	67,20	61,70
3	TNS-I-0103	Căn hộ I-0103	66,40	61,40
4	TNS-I-0104	Căn hộ I-0104	66,20	61,40
5	TNS-I-0105	Căn hộ I-0105	48,90	44,10
6	TNS-I-0106	Căn hộ I-0106	67,20	62,30
7	TNS-I-0107	Căn hộ I-0107	67,20	62,30
8	TNS-I-0108	Căn hộ I-0108	66,40	61,90
9	TNS-I-0109	Căn hộ I-0109	66,20	61,90
10	TNS-I-0110	Căn hộ I-0110	67,20	62,20
11	TNS-I-0201	Căn hộ I-0201	77,30	71,00
12	TNS-I-0202	Căn hộ I-0202	74,50	69,50
13	TNS-I-0203	Căn hộ I-0203	55,20	51,10
14	TNS-I-0204	Căn hộ I-0204	74,50	69,50
15	TNS-I-0207	Căn hộ I-0207	55,90	50,60
16	TNS-I-0208	Căn hộ I-0208	77,30	71,50
17	TNS-I-0210	Căn hộ I-0210	74,50	70,00
18	TNS-I-0211	Căn hộ I-0211	74,50	70,00
19	TNS-I-0213	Căn hộ I-0213	74,50	70,00
20	TNS-I-0214	Căn hộ I-0214	74,50	70,00
21	TNS-I-0215	Căn hộ I-0215	77,30	71,50
22	TNS-I-0301	Căn hộ I-0301	77,30	71,00
23	TNS-I-0303	Căn hộ I-0303	55,20	51,10
24	TNS-I-0304	Căn hộ I-0304	74,50	69,50
25	TNS-I-0305	Căn hộ I-0305	74,50	69,50
26	TNS-I-0306	Căn hộ I-0306	74,50	69,50
27	TNS-I-0307	Căn hộ I-0307	55,90	50,60
28	TNS-I-0308	Căn hộ I-0308	77,30	71,50
29	TNS-I-0310	Căn hộ I-0310	74,50	70,00
30	TNS-I-0311	Căn hộ I-0311	74,50	70,00

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
31	TNS-I-0312	Căn hộ I-0312	74,50	70,00
32	TNS-I-0313	Căn hộ I-0313	74,50	70,00
33	TNS-I-0315	Căn hộ I-0315	77,30	71,50
34	TNS-I-0401	Căn hộ I-0401	77,30	71,00
35	TNS-I-0402	Căn hộ I-0402	74,50	69,50
36	TNS-I-0403	Căn hộ I-0403	55,20	51,10
37	TNS-I-0404	Căn hộ I-0404	74,50	69,50
38	TNS-I-0405	Căn hộ I-0405	74,50	69,50
39	TNS-I-0406	Căn hộ I-0406	74,50	69,50
40	TNS-I-0407	Căn hộ I-0407	55,90	50,60
41	TNS-I-0408	Căn hộ I-0408	77,30	71,50
42	TNS-I-0409	Căn hộ I-0409	74,50	70,00
43	TNS-I-0410	Căn hộ I-0410	74,50	70,00
44	TNS-I-0411	Căn hộ I-0411	74,50	70,00
45	TNS-I-0412	Căn hộ I-0412	74,50	70,00
46	TNS-I-0413	Căn hộ I-0413	74,50	70,00
47	TNS-I-0414	Căn hộ I-0414	74,50	70,00
48	TNS-I-0415	Căn hộ I-0415	77,30	71,50
49	TNS-I-0501	Căn hộ I-0501	77,30	71,00
50	TNS-I-0503	Căn hộ I-0503	55,20	51,10
51	TNS-I-0505	Căn hộ I-0505	74,50	69,50
52	TNS-I-0506	Căn hộ I-0506	74,50	69,50
53	TNS-I-0507	Căn hộ I-0507	55,90	50,60
54	TNS-I-0508	Căn hộ I-0508	77,30	71,50
55	TNS-I-0513	Căn hộ I-0513	74,50	70,00
56	TNS-I-0514	Căn hộ I-0514	74,50	70,00
57	TNS-I-0515	Căn hộ I-0515	77,30	71,50
58	TNS-I-0601	Căn hộ I-0601	77,30	71,00
59	TNS-I-0602	Căn hộ I-0602	74,50	69,50
60	TNS-I-0604	Căn hộ I-0604	74,50	69,50
61	TNS-I-0605	Căn hộ I-0605	74,50	69,50
62	TNS-I-0606	Căn hộ I-0606	74,50	69,50
63	TNS-I-0607	Căn hộ I-0607	55,90	50,60
64	TNS-I-0608	Căn hộ I-0608	77,30	71,50
65	TNS-I-0609	Căn hộ I-0609	74,50	70,00

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
66	TNS-I-0610	Căn hộ I-0610	74,50	70,00
67	TNS-I-0612	Căn hộ I-0612	74,50	70,00
68	TNS-I-0613	Căn hộ I-0613	74,50	70,00
69	TNS-I-0614	Căn hộ I-0614	74,50	70,00
70	TNS-I-0615	Căn hộ I-0615	77,30	71,50
71	TNS-I-0701	Căn hộ I-0701	77,30	71,00
72	TNS-I-0702	Căn hộ I-0702	74,50	69,50
73	TNS-I-0703	Căn hộ I-0703	55,20	51,10
74	TNS-I-0705	Căn hộ I-0705	74,50	69,50
75	TNS-I-0706	Căn hộ I-0706	74,50	69,50
76	TNS-I-0707	Căn hộ I-0707	55,90	50,60
77	TNS-I-0708	Căn hộ I-0708	77,30	71,50
78	TNS-I-0709	Căn hộ I-0709	74,50	70,00
79	TNS-I-0710	Căn hộ I-0710	74,50	70,00
80	TNS-I-0712	Căn hộ I-0712	74,50	70,00
81	TNS-I-0713	Căn hộ I-0713	74,50	70,00
82	TNS-I-0714	Căn hộ I-0714	74,50	70,00
83	TNS-I-0715	Căn hộ I-0715	77,30	71,50
84	TNS-I-0801	Căn hộ I-0801	77,30	71,00
85	TNS-I-0802	Căn hộ I-0802	74,50	69,50
86	TNS-I-0803	Căn hộ I-0803	55,20	51,10
87	TNS-I-0804	Căn hộ I-0804	74,50	69,50
88	TNS-I-0805	Căn hộ I-0805	74,50	69,50
89	TNS-I-0806	Căn hộ I-0806	74,50	69,50
90	TNS-I-0807	Căn hộ I-0807	55,90	50,60
91	TNS-I-0808	Căn hộ I-0808	77,30	71,50
92	TNS-I-0809	Căn hộ I-0809	74,50	70,00
93	TNS-I-0810	Căn hộ I-0810	74,50	70,00
94	TNS-I-0811	Căn hộ I-0811	74,50	70,00
95	TNS-I-0813	Căn hộ I-0813	74,50	70,00
96	TNS-I-0814	Căn hộ I-0814	74,50	70,00
97	TNS-I-0815	Căn hộ I-0815	77,30	71,50
98	TNS-I-0901	Căn hộ I-0901	77,30	71,00
99	TNS-I-0903	Căn hộ I-0903	55,20	51,10
100	TNS-I-0904	Căn hộ I-0904	74,50	69,50

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
101	TNS-I-0905	Căn hộ I-0905	74,50	69,50
102	TNS-I-0906	Căn hộ I-0906	74,50	69,50
103	TNS-I-0907	Căn hộ I-0907	55,90	50,60
104	TNS-I-0908	Căn hộ I-0908	77,30	71,50
105	TNS-I-0909	Căn hộ I-0909	74,50	70,00
106	TNS-I-0910	Căn hộ I-0910	74,50	70,00
107	TNS-I-0911	Căn hộ I-0911	74,50	70,00
108	TNS-I-0912	Căn hộ I-0912	74,50	70,00
109	TNS-I-0913	Căn hộ I-0913	74,50	70,00
110	TNS-I-0914	Căn hộ I-0914	74,50	70,00
111	TNS-I-0915	Căn hộ I-0915	77,30	71,50
	Tổng cộng		7.957,90	7.402,90



PHỤ LỤC 01. DANH SÁCH CĂN HỘ
DỰ ÁN: ĐTXD KHU NHÀ Ở XÃ HỘI THỐNG NHẤT SMART CITY
TÒA J

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
1	TNS-J-0101	Căn hộ J-0101	67,20	61,70
2	TNS-J-0102	Căn hộ J-0102	67,20	61,70
3	TNS-J-0103	Căn hộ J-0103	66,40	61,40
4	TNS-J-0104	Căn hộ J-0104	66,20	61,40
5	TNS-J-0105	Căn hộ J-0105	48,90	44,10
6	TNS-J-0106	Căn hộ J-0106	67,20	62,30
7	TNS-J-0107	Căn hộ J-0107	67,20	62,30
8	TNS-J-0108	Căn hộ J-0108	66,40	61,90
9	TNS-J-0109	Căn hộ J-0109	66,20	61,90
10	TNS-J-0110	Căn hộ J-0110	67,20	62,20
11	TNS-J-0201	Căn hộ J-0201	77,30	71,00
12	TNS-J-0203	Căn hộ J-0203	55,20	51,10
13	TNS-J-0206	Căn hộ J-0206	74,50	69,50
14	TNS-J-0207	Căn hộ J-0207	55,90	50,60
15	TNS-J-0208	Căn hộ J-0208	77,30	71,50
16	TNS-J-0209	Căn hộ J-0209	74,50	70,00
17	TNS-J-0210	Căn hộ J-0210	74,50	70,00
18	TNS-J-0213	Căn hộ J-0213	74,50	70,00
19	TNS-J-0215	Căn hộ J-0215	77,30	71,50
20	TNS-J-0301	Căn hộ J-0301	77,30	71,00
21	TNS-J-0302	Căn hộ J-0302	74,50	69,50
22	TNS-J-0303	Căn hộ J-0303	55,20	51,10
23	TNS-J-0306	Căn hộ J-0306	74,50	69,50
24	TNS-J-0307	Căn hộ J-0307	55,90	50,60
25	TNS-J-0308	Căn hộ J-0308	77,30	71,50
26	TNS-J-0310	Căn hộ J-0310	74,50	70,00
27	TNS-J-0312	Căn hộ J-0312	74,50	70,00
28	TNS-J-0315	Căn hộ J-0315	77,30	71,50
29	TNS-J-0401	Căn hộ J-0401	77,30	71,00
30	TNS-J-0402	Căn hộ J-0402	74,50	69,50
31	TNS-J-0403	Căn hộ J-0403	55,20	51,10
32	TNS-J-0407	Căn hộ J-0407	55,90	50,60
33	TNS-J-0408	Căn hộ J-0408	77,30	71,50
34	TNS-J-0409	Căn hộ J-0409	74,50	70,00
35	TNS-J-0413	Căn hộ J-0413	74,50	70,00
36	TNS-J-0415	Căn hộ J-0415	77,30	71,50

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
37	TNS-J-0501	Căn hộ J-0501	77,30	71,00
38	TNS-J-0502	Căn hộ J-0502	74,50	69,50
39	TNS-J-0503	Căn hộ J-0503	55,20	51,10
40	TNS-J-0507	Căn hộ J-0507	55,90	50,60
41	TNS-J-0508	Căn hộ J-0508	77,30	71,50
42	TNS-J-0510	Căn hộ J-0510	74,50	70,00
43	TNS-J-0511	Căn hộ J-0511	74,50	70,00
44	TNS-J-0512	Căn hộ J-0512	74,50	70,00
45	TNS-J-0513	Căn hộ J-0513	74,50	70,00
46	TNS-J-0515	Căn hộ J-0515	77,30	71,50
47	TNS-J-0601	Căn hộ J-0601	77,30	71,00
48	TNS-J-0602	Căn hộ J-0602	74,50	69,50
49	TNS-J-0603	Căn hộ J-0603	55,20	51,10
50	TNS-J-0604	Căn hộ J-0604	74,50	69,50
51	TNS-J-0605	Căn hộ J-0605	74,50	69,50
52	TNS-J-0606	Căn hộ J-0606	74,50	69,50
53	TNS-J-0607	Căn hộ J-0607	55,90	50,60
54	TNS-J-0608	Căn hộ J-0608	77,30	71,50
55	TNS-J-0609	Căn hộ J-0609	74,50	70,00
56	TNS-J-0610	Căn hộ J-0610	74,50	70,00
57	TNS-J-0611	Căn hộ J-0611	74,50	70,00
58	TNS-J-0612	Căn hộ J-0612	74,50	70,00
59	TNS-J-0613	Căn hộ J-0613	74,50	70,00
60	TNS-J-0614	Căn hộ J-0614	74,50	70,00
61	TNS-J-0615	Căn hộ J-0615	77,30	71,50
62	TNS-J-0701	Căn hộ J-0701	77,30	71,00
63	TNS-J-0702	Căn hộ J-0702	74,50	69,50
64	TNS-J-0703	Căn hộ J-0703	55,20	51,10
65	TNS-J-0704	Căn hộ J-0704	74,50	69,50
66	TNS-J-0705	Căn hộ J-0705	74,50	69,50
67	TNS-J-0706	Căn hộ J-0706	74,50	69,50
68	TNS-J-0707	Căn hộ J-0707	55,90	50,60
69	TNS-J-0708	Căn hộ J-0708	77,30	71,50
70	TNS-J-0711	Căn hộ J-0711	74,50	70,00
71	TNS-J-0712	Căn hộ J-0712	74,50	70,00
72	TNS-J-0713	Căn hộ J-0713	74,50	70,00
73	TNS-J-0715	Căn hộ J-0715	77,30	71,50
74	TNS-J-0801	Căn hộ J-0801	77,30	71,00
75	TNS-J-0802	Căn hộ J-0802	74,50	69,50
76	TNS-J-0803	Căn hộ J-0803	55,20	51,10
77	TNS-J-0804	Căn hộ J-0804	74,50	69,50

Stt	Mã căn hộ	Tên căn hộ	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích thông thủy (m2)
78	TNS-J-0806	Căn hộ J-0806	74,50	69,50
79	TNS-J-0807	Căn hộ J-0807	55,90	50,60
80	TNS-J-0808	Căn hộ J-0808	77,30	71,50
81	TNS-J-0809	Căn hộ J-0809	74,50	70,00
82	TNS-J-0810	Căn hộ J-0810	74,50	70,00
83	TNS-J-0812	Căn hộ J-0812	74,50	70,00
84	TNS-J-0813	Căn hộ J-0813	74,50	70,00
85	TNS-J-0814	Căn hộ J-0814	74,50	70,00
86	TNS-J-0815	Căn hộ J-0815	77,30	71,50
87	TNS-J-0901	Căn hộ J-0901	77,30	71,00
88	TNS-J-0902	Căn hộ J-0902	74,50	69,50
89	TNS-J-0903	Căn hộ J-0903	55,20	51,10
90	TNS-J-0904	Căn hộ J-0904	74,50	69,50
91	TNS-J-0905	Căn hộ J-0905	74,50	69,50
92	TNS-J-0907	Căn hộ J-0907	55,90	50,60
93	TNS-J-0908	Căn hộ J-0908	77,30	71,50
94	TNS-J-0909	Căn hộ J-0909	74,50	70,00
95	TNS-J-0910	Căn hộ J-0910	74,50	70,00
96	TNS-J-0911	Căn hộ J-0911	74,50	70,00
97	TNS-J-0913	Căn hộ J-0913	74,50	70,00
98	TNS-J-0914	Căn hộ J-0914	74,50	70,00
99	TNS-J-0915	Căn hộ J-0915	77,30	71,50
	Tổng cộng		7.044,60	6.547,00

KT

